TÀI LIỆU GIẢNG DẠY MÔN NGỮ VĂN LỚP 8 ÔN THI HỌC KỲ 1 (P1)

BUỔI 1 - THÁNG 12
Rèn kĩ năng đọc hiểu hài kịch và truyện cười

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực:

- Hiểu và phân tích một số yếu tố hình thức (xung đột, nhân vật, hành động, lời thoại, thủ pháp trào phúng,...) và nội dung (đề tài, chủ đề; ý nghĩa của văn bản; tư tưởng, tình cảm, thái độ của tác giả;...) của hài kịch và truyện cười.
- Vận dụng kĩ năng đọc hiểu văn bản hài kịch và truyện cười, kiến thức về nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn để thực hành đọc hiểu các văn bản nghị luận văn học ngoài SGK.

2. Phẩm chất:

- Ghét thói hư tật xấu, phê phán cái giả dối, từ đó biết trân trọng những suy nghĩ trong sáng, nhân văn, những hành động trung thực.
- Chăm chỉ trong thực hiện nhiệm vụ

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

CA 1:

I. Hài kịch và truyện cười

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi sau:

? Em hiểu thế nào là hài kịch và truyện cười?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.
- Giáo viên: Quan sát, khích lệ và theo dõi quá trình làm bài của HS, gợi ý nếu cần.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận.

- Học sinh trình bày ý kiến các nhân
- Học sinh nhận xét lẫn nhau và bổ sung nếu cần
- GV: Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). Yêu cầu các bạn khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét bài làm của học sinh.
- GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.

1. Hài kịch

Hài kịch là thể loại kịch dùng tiếng cười để châm biến, đả kích, phê phán những thói hư tật xấu, cái lố bịch, lỗi thời,…trong đời sống. Tiếng cười trong hài kịch được tạo ra bởi các mâu thuẫn (xung đột), nhân vật, hành động, lời thoại,…và một số thủ pháp trào phúng tiêu biểu.

- Xung đột trong hài kịch thường là mâu thuẫn giữa cái xấu (cái thấp hèn) với cái tốt (cái đẹp, cái cao cả), ví dụ: xung đột trong vở kịch Bệnh sĩ của Lưu Quang Vũ là mâu thuẫn giữa sự chân thực, thật thà với bệnh giả dối, ảo tưởng. Nhưng cũng có khi xung đột là mâu thuẫn giữa cái xấu với cái xấu, ví dụ: mâu thuẫn giữa sự dốt nát của ông Giuốc-đanh (Jourdain) và mưu mô lừa lọc của gã phó may trong vở kịch Trưởng giả học làm sang của Mô-li-e.
- Nhân vật trong hài kịch thường có sự không tương xứng giữa thực chất bên trong và hình thức bên ngoài, giữa suy nghĩ và hành động, lời nói và việc làm. Hành động của nhân vật mâu thuẫn với phẩm chất, vì vậy trở nên lố bịch, hài hước. Lời thoại trong hài kịch thường là ngôn ngữ phóng đại, gây cười. Ví dụ: Ông Giuốc-đanh trong vở Trưởng giả học làm sang (Mô-li-e) rất kém hiểu biết nhưng lại luôn tỏ ra thông thái, thích làm sang, bắt chước giới quý tộc. Hoặc ông Toàn Nha (chủ tịch xã) trong vở kịch Bệnh sĩ (Lưu Quang Vũ) không biết gì về khoa học nhưng lại luôn nói những điều to tát, cao siêu, hiện đại,…mà chính ổng cũng không hiểu.
- Thủ pháp trào phúng (biện pháp tạo ra tiếng cười) trong hài kich chủ yếu là nghệ thuật phóng đại (nói quá, cường điệu). Ví dụ: Trong Đổi tên cho xã (trích vở kịch Bệnh sĩ – Lưu Quang Vũ), những lời phát biểu của ông chủ tịch xã đã được phóng đại lên nhiều lần bằng các lời kẽ hoa mĩ, sáo rỗng để người đọc thấy rõ bệnh khoa trương, hình thức đến mức giả dối, lố bịch.

2. Truyện cười

Truyện cười là một thể loại truyện chứa đựng cái hài, dùng tiếng cười làm phương tiện chủ yếu để giải trí hoặc châm biếm, phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội. Có truyện cười dân gian và truyện cười hiện đại.

Truyện cười thường ngắn gọn, cốt truyện đơn giản, ít nhân vật. Nhân vật, ngôn ngữ và các thủ pháp trào phúng trong truyện cười cũng có những điểm giống như trong hài kịch. Bối cảnh của truyện cười thường là các tình huống mâu thuẫn giữa thật và giả, nội dung và hình thức, bên trong và bên ngoài,…; kết thúc truyện cười thường bất ngờ. Truyện Treo biển (truyện cười dân gian Việt Nam) hoặc truyện Cái kính của A-dít Nê-xin đều là ví dụ tiêu biểu cho đặc điểm và bối cảnh, cốt truyện, nhân vật và ngôn ngữ của truyện cười.

II. Phương pháp đọc hiểu văn bản kịch.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV cho hs thảo luận theo cặp đôi trong 03 phút qua hệ thống câu hỏi sau:

Phương pháp đọc hiểu văn bản kịch dễ dàng và hiệu quả?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tương tác với các bạn trong lớp thảo luận, thống nhất và phân công cụ thể:

+ 1 nhóm trưởng điều hành chung.

+ 1 thư kí ghi chép.

+ Bàn bạc thống nhất hình thức, phương tiện báo cáo.

- Giáo viên: Quan sát, khích lệ và theo dõi quá trình các nhóm thực hiện, gợi ý nếu cần.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.
- Các nhóm nhận xét lẫn nhau và bổ sung thêm
- GV: Hướng dẫn các nhóm trình bày (nếu cần). Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận.

- GV nhận xét bài làm của các nhóm.
- GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.

1. Kịch và kịch bản văn học

- Kịch và kịch bản văn học Kịch là một loại hình nghệ thuật sân khấu biểu diễn mang tính chất tổng hợp.Ngoài yếu tố văn bản kịch, nhệ thuật kịch còn có sự hỗ trợ của người diễn, đạo diễn, đạo cụ và sân khấu. - Kịch bản văn học chỉ là một trong các yếu tố ấy. Dù kịch bản văn học là yếu tố chủ chốt, quan trọng nhất nhưng cũng chưa thể phản ánh đầy đủ bản chất của kịch sân khấu. Bởi thế, khi đọc hiểu văn bả kịch chúng ta phải hình dung rõ ràng về loại hình nghệ thuật này. Kịch bản văn học ngoài những đặc điểm chung của văn bản văn học (có nhân vật, cốt truyện, lời thoại…) còn có một số đặc trưng riêng.

2. Đọc hiểu văn bản kịch

- Đọc hiểu văn bản kịch: Tìm hiểu nhân vật kịch. Nhân vật kịch là yếu tố then chốt của một kịch bản. Nhân vật kịch chứa đựng tư tưởng của kịch. Qua nhân vật kịch, tác giả từng bước bày tỏ, biểu hiện và khẳng định một ý nghĩa nào đó thông qua hành động và xung đột kịch. Tấ cả đều được bộc lộ thông qua nhân vật. Nhân vật của kịch thường

chứa đựng những cuộc đấu tranh nội tâm. Chính từ đặc điểm này, nhiều tác giả kịch đã dùng biện pháp lưỡng hóa nhân vật nhằm biểu hiện cuộc đấu tranh nội tâm của chính nhân vật đó.

3. Tìm hiểu xung đột kịch

- Tìm hiểu xung đột kịch: Xung đột kịch là sự phát triển cao nhất những mâu thuẫn giữa các lực lượng, các tuyến nhân vật. Đó có thể là xung đột về tư tưởng, nhân cách, xung đột về lợi ích, được thể hiện bằng một cốt truyện có cấu trúc chặt chẽ tuân theo những quy tắc nhất định của nghệ thuật kịch. Kịch bắt đầu từ xung đột. Pha-de-ap cho rằng: "xung đột chính là cơ sở hình thành nên kich". Nếu không có xung đột thì cũng không có kịch bản.

4. Tìm hiểu lời thoại

- Tìm hiểu lời thoại: Có thể nói là lời đối thoại hay độc thoại – nhưng đều là giao lưu đa tuyến, đa chức năng (nói với nhau và nói cho người xem). Lời thoại không chỉ biểu lộ tính cách nhân vật mà còn có yếu tố trần thuật, cung cấp thông tin về các nhân vật khác, về cốt truyện; có tác dụng thúc đẩy hành động và xung đột.
- Phân loại thể loại kịch: Dựa trên nội dung kịch bản và phương thức biểu diễn, có thể chia làm ba loại kịch: bi kịch, hài kịch và chính kịch. Ngoài ra, ở một số vở kịch có sự hòa trọn giữa ba thể loại này. Các văn bản kịch được học hầu hết thuộc thể loại bi kịch. Bi kịch là thể loại điển hình của kịch. Trong bi kịch, nhân vật ở giữa những tình huống gây cấn, đấu tranh kịch liệt với cái xấu, cái ác nhưng cuối cùng phải nhận lấy thất bại. Thất bại của họ gợi lên ở khấn giả sự xót thương cao cả, có tính chất thanh lọc tâm hồn, tình cảm, tư tưởng, nâng cao nhận thức về đời sống con người. Số phận của nhân vật trong bi kịch còn nhằm để ca ngợi, biểu dương ý chí vươn lên của con người trong cuộc chiến chống lại cái xấu, cái ác, cái bất công trong xã hội nhằm bảo vệ con người, bảo vệ lẽ phải, công lí, công bình. Dựa trên những đặc trưng ấy, người phân tích cần làm sáng tỏ mỗi đặc điểm kịch thông qua một văn bản kịch cụ thể. Sự phân tích có hệ thống và toàn diện đảm bảo giúp chúng ta hiểu được văn bản kịch và có được bài viết chi tiết, rõ ràng và đầy đủ, đáp ứng được yêu cầu của các đề bài tìm hiểu.

CA 2: LUYỆN ĐỀ

III. Luyện tập

1. Bài tập 1.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV cho hs thảo luận theo bàn trong 05 phút qua hệ thống câu hỏi sau:

Đọc văn bản:

Hai kiểu áo

Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách. Biết quan xưa nay nổi tiếng luồn cúi quan trên, hách dịch với dan, người thợ may bèn hỏi:

- Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ?

Quan lớn ngạc nhiên:

- Nhà ngươi biết để làm gì?
Người thợ may đáp:
- Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa. Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải mau ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.
Quan ngẫm nghĩ một hồi rồi bão:
- Thế thì nhà ngươi may cho ta cả hai kiểu.
(Theo Trường Chính - Phong Châu, Tiếng cười dân gian Việt Nam)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản.
Câu 2. Trong câu chuyện, hoạt động giao tiếp diễn ra giữa các nhân vật nào?
Câu 3. Trong câu chuyện, người thợ may hỏi quan lớn điều gì?
Câu 4. Theo anh/chị chi tiết người thợ may hỏi quan lớn may chiếc áo này để tiếp ai có ý nghĩa gì?
Câu 5. Câu chuyện phê phán thói xấu nào của con người?
Câu 6. Hãy nêu bài học ý nghĩa nhất đối với anh/chị rút ra từ văn bản trên.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tương tác với các bạn trong lớp thảo luận, thống nhất và phân công cụ thể:
+ 1 nhóm trưởng điều hành chung.
+ 1 thư kí ghi chép.
+ Bàn bạc thống nhất hình thức, phương tiện báo cáo.
- Giáo viên: Quan sát, khích lệ và theo dõi quá trình các nhóm thực hiện, gợi ý nếu cần.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.
- Các nhóm nhận xét lẫn nhau và bổ sung thêm
- GV: Hướng dẫn các nhóm trình bày (nếu cần). Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận.

- GV nhận xét bài làm của các nhóm.
- GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.

Câu 1: PTBĐ chính: Tự sự
Câu 2: Trong câu chuyện, hoạt động giao tiếp diễn ra giữa các nhân vật: người thợ may và quan lớn.
Câu 3: Trong câu chuyện, người thợ may hỏi quan lớn rằng may chiếc áo cho ai.
Câu 4: chi tiết người thợ may hỏi quan lớn may chiếc áo này để tiếp ai có ý mỉa mai người quan luôn hách dịch với nhân dân và nịnh nọt quan trên.
Câu 5. Câu chuyện phê phán thói xấu đối xử không công bằng với mọi người, có thái độ phân chia theo cấp bậc, sự khinh bỉ những người nghèo khổ.

Câu 6: bài học ý nghĩa nhất: Nên có thái độ với những người quan chuyên đi đối xử tồi tệ với dân. Là một người chúng ta nên có thái độ hòa nhã với tất cả mọi người chứ không nên phân biệt đối xử.

2. Bài tập 2:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV cho hs thảo luận theo bàn trong 05 phút qua hệ thống câu hỏi sau:

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu dưới đây:

"Một cửa hàng bán cá làm cái biển đề mấy chữ to tướng :
"Ở ĐÂY CÓ BÁN CÁ TƯƠI"
Biển vừa treo lên, có người qua đường xem, cười bảo :
- Nhà này xưa quen bán cá ươn hay sao mà bây giờ phải đề biển là cá "tươi"?
Nhà hàng nghe nói, bỏ ngay chữ "tươi" đi.
Hôm sau, có người khách đến mua cá, cũng nhìn lên biển, cười bảo :
- Người ta chẳng nhẽ ra hàng hoa mua cá hay sao, mà phải đề là "ở đây"?
Nhà hàng nghe nói, bỏ ngay hai chữ "ở đây" đi.
Cách vài hôm, lại có một người khách đến mua cá, cũng nhìn lên biển, cười bảo :
- Ở đây chẳng bán cá thì bày cá ra để khoe hay sao mà phải đề là "có bán"?
Nhà hàng nghe nói lại bỏ ngay hai chữ "có bán" đi. Thành ra biển chỉ còn có mỗi một chữ "cá". Anh ta nghĩ trong bụng chắc từ bây giờ không còn ai bắt bẻ gì nữa.
Vài hôm sau, người láng giềng sang chơi, nhìn cái biển, nói :
- Chưa đi đến đầu phố đã ngửi mùi tanh, đến gần nhà thấy đầy những cá, ai chẳng biết là bán cá, còn đề biển làm gì nữa?
Thế là nhà hàng cất nốt cái biển!

(*Treo biển* – SGK Ngữ văn 6, tập một, NXBGD 2016, tr.124)

Câu 1: Văn bản trên thuộc thể loại truyện dân gian gì? Nêu khái niệm của thể loại truyện dân gian đó. hãy kể tên một truyện dân gian cùng loại mà em biết?(0, 75 điểm)

Câu 2: Văn bản trên được kể theo ngôi thứ mấy, chủ yếu sử dụng phương thức biểu đạt nào? (0.75 điểm)

Câu 3: Có mấy người "góp ý" về cái biển đề ở cửa hàng bán cá? Em có nhận xét gì về từng ý kiến? (0.75 điểm)

Câu 4: Tìm những chi tiết gây cười trong truyện. Khi nào cái đáng cười bộc lộ rõ nhất? Vì sao? (0.75 điểm)

Câu 5: Qua văn bản trên, tác giả dân gian muốn chế giễu, phê phán điều gì? Nếu nhà hàng bán cá trong truyện nhờ em làm lại cái biển, em sẽ tiếp thu hoặc phản bác những góp ý của bốn người như thế nào hoặc sẽ làm lại cái biển ra sao? (1.0 điểm)

II. LÀM VĂN (6.0 điểm)

Hãy tưởng tượng và kể lại cuộc trò chuyện tâm sự giữa các đồ dùng học tập của em.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tương tác với các bạn trong lớp thảo luận, thống nhất và phân công cụ thể:

+ 1 nhóm trưởng điều hành chung.
+ 1 thư kí ghi chép.
+ Bàn bạc thống nhất hình thức, phương tiện báo cáo.
- Giáo viên: Quan sát, khích lệ và theo dõi quá trình các nhóm thực hiện, gợi ý nếu cần.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.
- Các nhóm nhận xét lẫn nhau và bổ sung thêm
- GV: Hướng dẫn các nhóm trình bày (nếu cần). Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận.

- GV nhận xét bài làm của các nhóm.
- GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1.

- Thể loại: Truyện cười
- Định nghĩa: là loại truyện kể về những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống nhằm tạo tiếng cười mua vui hoặc phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội.

Câu 2.

- Ngôi thứ 3
- Phương thức biểu đạt: Tự sự

Câu 3.

Có bốn vị khách "góp ý" về tấm biển ở cửa hàng bán cá:
- Ý kiến thứ nhất đề nghị bỏ chữ "tươi"
- Ý kiến thứ hai đề nghị bỏ chữ "ở đây"
- Ý kiến thứ ba đề nghị bỏ chữ "có bán"
- Ý kiến thứ tư đề nghị bỏ nốt chữ "cá".

* Cả bốn ý kiến đều mang tính cá nhân, chủ quan và nguỵ biện.
- Nếu bỏ chữ "tươi", là làm mất đi sự khẳng định chất lượng cao của sản phẩm nhà hàng, tuy nhiên cũng có thể được chấp nhận.
- Đến ý kiến thứ hai đòi bỏ từ chỉ địa điểm "ở đây" mà nhà hàng cũng nghe theo thì đã khiến nội dung biển có phần tối nghĩa và thiếu lịch sự đối với khách hàng.
- Khi bỏ đi cả chữ "có bán" chỉ để lại một từ "cá" là hết sức vô lí. Nó làm cho nội dung biển trở nên cụt lủn, tối nghĩa.
- Đến ý kiến cuối cùng, đề nghị cất nốt biển đi vì "ai đi tới gần dây đều chẳng ngửi thấy mùi cá tanh lộn lên mà còn phải để từ "cá". Nhà hàng lại nhắm mắt nghe theo không dùng biển nữa.

Câu 4. Chi tiết buồn cười:
+ Nhà hàng treo một tấm biển thừa thông tin
+ Khi thấy khách hàng chê thì vội vã sửa theo ý khách mà không suy nghĩ.

+ Xóa dần những chữ có trên biển quảng cáo
+ Nhà hàng dẹp biển quảng cáo.
Nhưng cái cười bộc lộ rõ nhất ở cuối truyện. Ớ trên cái biển bị bắt bẻ đến nỗi chỉ còn chữ "cá". Người qua đường vẫn còn có người góp ý, chữ "cá" và tấm biển treo vẫn là thừa, chủ hàng cất luôn cái biển, thì ta bật cười, tiếng cười vang lên to nhất. Ta cười vì từng góp ý thấy có vẻ có lí nhưng cứ theo đó mà hành động thì kết quả cuối cùng lại thành phi lí. Ta cười to vì người nghe góp ý không biết suy xét, hoàn toàn mất hết chủ kiến.

Câu 5.

* Ý nghĩa
- Treo biển là một truyện hài hước, tạo nên một tiếng cười vui vẻ, phê phán nhẹ nhàng những người thiếu chủ kiến khi làm việc, không suy xét khi nghe những ý kiến khác.
- Khi được người khác góp ý không nên vội vàng hành động theo ngay khi chưa suy xét kĩ. Làm việc gì cũng phải có ý thức, có chủ kiến, biết tiếp thu có chọn lọc ý kiến của người khác.
* Góp ý
- Nên giữ nguyên tấm biển quảng cáo để nội dung được trọn vẹn. Nếu có sửa thì chỉ nên bỏ bớt chữ "Ở đây".
- Qua truyện này, có thể rút ra bài học về cách dùng từ: từ dùng phải có nghĩa, có lượng thông tin cần thiết, không dùng từ thừa. Từ trong biển quảng cáo phải ngắn gọn, rõ ràng, đáp ứng được mục đích, nội dung quảng cáo.

3. Bài tập 3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV cho hs thảo luận theo bàn trong 05 phút qua hệ thống câu hỏi sau:

Đọc hiểu văn bản dưới đây:

Tam đại con gà

Xưa, có anh học trò học hành dốt nát, nhưng trò đời "Xấu hay làm tốt, dốt hay chơi chữ", đi đâu cũng lên mặt văn hay chữ tốt.

Có người tưởng anh ta hay chữ thật, mới đón về dạy trẻ.

Một hôm, dạy sách *Tam thiên tự*, sau chữ "tước" là chim sẻ, đến chữ "kê" là gà, thầy thấy mặt chữ nhiều nét rắc rối, không biết chữ gì, học trò lại hỏi gấp, thầy cuống, nói liều: "*Dủ dỉ là con dù dì*". Thầy cũng khôn, sợ nhỡ sai, người nào biết thì xấu hổ, mới bảo học trò đọc khẽ, tuy vậy, trong lòng thầy vẫn thấp thỏm.

Nhân trong nhà có bàn thờ thổ công, thầy mới đến khấn thầm xin ba đài âm dương để xem chữ ấy có phải thật là "dù dì" không. Thổ công cho ba đài được cả ba.

Thấy vậy, thấy lấy làm sắc chí lắm, hôm sau bệ vệ ngồi trên giường, bảo trẻ đọc cho to. Trò vâng lời thầy, gân cổ lên gào:

– Dủ dỉ là con dù dì! Dủ dỉ là con dù dì…

Bố chúng đang cuốc đất ngoài vườn, nghe tiếng học, ngạc nhiên bỏ cuốc chạy vào, giở

sách ra xem, hỏi thầy:
– Chết chửa! Chữ "kê" là gà, sao thầy lại dạy ra "dủ dỉ" là con "dù dì"?
Bấy giờ thầy mới nghĩ thầm: "Mình đã dốt, thổ công nhà nó cũng dốt nữa", nhưng nhanh trí thầy vội nói gỡ:
– Tôi vẫn biết chữ ấy là chữ "kê" mà "kê" nghĩa là "gà" nhưng tôi dạy cháu thế là dạy cho cháu nó biết tận tam đại con gà kia.
Chủ nhà càng không hiểu, hỏi:
– Tam đại con gà là nghĩa ra làm sao?
– Thế này nhé! *Dủ dỉ là con dù dì, dù dì là chị con công, con công là ông con gà!*
(SGK Ngữ văn 10,Trang 78-79,Tập I, NXBGD 2006)
1/ Xác định các tình huống gây cười trong văn bản ? Các tình huống đó được bố trí như thế nào ?
2/ Thầy đồ trong văn bản đáng bị cười ở những điểm nào ?
3/ Chi tiết thầy đồ *xin ba đài âm dương* đạt hiệu quả như thế nào về nội dung và nghệ thuật của truyện ?
4/ Viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về bài học rút ra từ câu chuyện.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
- HS tương tác với các bạn trong lớp thảo luận, thống nhất và phân công cụ thể:
+ 1 nhóm trưởng điều hành chung.
+ 1 thư kí ghi chép.
+ Bàn bạc thống nhất hình thức, phương tiện báo cáo.
- Giáo viên: Quan sát, khích lệ và theo dõi quá trình các nhóm thực hiện, gợi ý nếu cần.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận
- HS tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.
- Các nhóm nhận xét lẫn nhau và bổ sung thêm
- GV: Hướng dẫn các nhóm trình bày (nếu cần). Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
Bước 4: Đánh giá, kết luận.
- GV nhận xét bài làm của các nhóm.
- GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.
1/ Các tình huống gây cười trong văn bản :
-Tình huống nhầm lẫn: ông bố tưởng anh học dốt ưa khoác lác kia là thầy đồ chính hiệu ;
-Tình huống dốt nát: thầy đồ không đọc được chữ (dù là chữ đơn giản nhất)
-Tình huống mê tín dị đoan: bói chữ và tin vào quẻ bói ;
-Tình huống bị bóc mẽ: ông bố chỉ ra chỗ thầy sai ;
-Tình huống nguỵ biện: giải thích rằng thầy dạy Tam đại con gà ;
Các tình huống đó được bố trí theo lối tăng cấp. Đỉnh điểm của sự tăng cấp ấy là lời nguỵ biện về ông tổ ba đời của con gà là …một loài vật không có trong thực tế.

2/ Thầy đồ trong văn bản đáng bị cười ở những điểm:
-Xuất thân là một học trò dốt nhưng hay nói chữ, làm ra vẻ ta đây uyên bác. Đó là thái độ không trung thực.
-Không chịu học hỏi lại đi tin vào thổ công nhà chủ: bị cười ở tội mê tín.
-Đã dốt không chịu nhận mà lại biến báo quanh co: bị cười ở cách *bịa đặt láo toét*
3.Chi tiết thầy đồ *xin ba đài âm dương* đạt hiệu quả về nội dung và nghệ thuật của truyện :
a/ Về nội dung: chi tiết mở rộng phạm vi và đối tượng bị phê phán, chế giễu. Ngoài thầy đồ còn có thêm ông thổ công cũng dốt.
b/ Về nghệ thuật: tuy là hư cấu nhưng chi tiết đã làm cho câu chuyện phát triển nhanh hơn, mạnh hơn và độc đáo hơn. Nó khiến cho thầy đồ tin tưởng, từ chỗ bảo học trò đọc khẽ sang đọc to hơn câu *Dủ dỉ là con dù dì*, làm cho ông bố đang làm ngoài vườn nghe được cái chữ lạ đời ấy và chất vấn thầy đồ, dồn thầy đến chân tường, bộc lộ đầy đủ sự giấu dốt ngoan cố của mình.
4/ Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :
-Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;
-Nội dung : thí sinh hiểu được tiếng cười trào phúng từ câu chuyện, qua đó rút ra bài học cho bản thân, đó là phải luôn học hỏi, không nên che dấu cái dốt của mình, không nên sĩ diện hão.

IV. Củng cố, dặn dò

- Xem lại nội dung bài học
- Chuẩn bị tiết : Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống

BUỔI 2 - THÁNG 12
Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực: